

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2020
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Long

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Cum Anh, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thị Bích D, sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Bị đơn: ông Tôn Thất Minh N, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Trần Thị Bích D trình bày: bà và ông Tôn Thất Minh N tự nguyện kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng ý kiến không thể giải quyết. Thời gian gần đây bà cảm thấy không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với N. Về con chung, có 01 con chung tên Tôn Nữ Phương T (nữ) sinh ngày 12/12/2013, bà đồng ý giao con cho ông N nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị Bích D và ông Tôn Thất Minh N tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thới, huyện P ngày 20/5/2016 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 17/3/2020 bà D có đơn yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú của ông N để thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/7/2020, ngày 24/7/2020 nhưng ông N không đến tham dự nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã hoãn phiên tòa ngày 19/8/2020 do bị đơn không đến, vì vậy, ngày 11/9/2020 bị đơn vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Do ông N nhiều lần vắng mặt, không thể hiện ý kiến về quan hệ hôn nhân, con chung và các vấn đề khác nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của bà D. Mâu thuẫn giữa bà D và ông N phát sinh do bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, thời gian kéo dài nhưng không có cách hóa giải. Bà D cho rằng ông N không lo cho vợ con, chỉ rượu chè, cờ bạc và từng đánh bà nên bà về nhà cha mẹ ruột ở. Vợ chồng ly thân từ năm 2017, hai bên không có phương án, thiện chí hàn gắn, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[4] Về con chung, bà D và ông N có một người con chung là Tôn Nữ Phương T (nữ) sinh ngày 12/12/2013 hiện tại đang sinh sống với ông N, bà D đồng ý giao con cho ông N nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Đây là sự tự nguyện của đương sự, đồng thời tránh thay đổi môi trường sống của trẻ nhỏ nên Hội đồng xét xử giao con chung cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, bà D cấp dưỡng nuôi con số tiền bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân sơ thẩm do nguyên đơn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Bích D đối với ông Tôn Thất Minh N.

- *Về con chung:* giao cháu Tôn Nữ Phương T (nữ) sinh ngày 12/12/2013 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D cấp dưỡng nuôi con số tiền 745.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà D, không ai được quyền ngăn cản

- *Về tài sản chung và nợ chung:* không đặt ra xem xét.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm:* bà D nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 017441 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà D nộp 300.000 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H. P ;
- Chi cục THADS H. P;
- UBND xã T;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa